



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

12TXĐK.
OLCK.

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: 24311MH110403301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn	Anh	03/8/2003	C26QT1		8,5	tám, năm	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh	Anh	13/8/2006	C26QT1		9,0	chín, không	
3	2410100018	Trần Ngọc	Ánh	16/07/2006	C26QT1		5,0	năm, không	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim	Cương	09/04/2006	C26QT1		5,0	năm, không	
5	2410100026	Lê Thanh	Dương	22/12/2006	C26QT1		8,0	tám, không	
6	2410100004	Tạ Duy	Đặng	16/10/2006	C26QT1		7,9	bảy, chín	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	28/02/2006	C26QT1		5,0	năm, không	
8	2410100029	Lê Chí	Hậu	05/11/2006	C26QT1		8,5	tám, năm	
9	2410100017	Nguyễn Đức	Hậu	31/01/2006	C26QT1		9,2	chín, hai	
10	2410100025	Nguyễn Quốc	Huy	10/06/2006	C26QT1		8,1	tám, một	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu	Huyền	11/12/2006	C26QT1		8,6	tám, sáu	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc	Huyền	11/12/2006	C26QT1		9,1	chín, một	
13	2410100027	Nguyễn Văn	Linh	28/07/2005	C26QT1				L2
14	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc	Linh	07/09/2005	C26QT1		8,6	tám, sáu	
15	2410100022	Kim Thị Thúy	Ngân	18/05/2006	C26QT1		4,1	bốn, một	
16	2410100028	Nguyễn Thị Kim	Ngân	25/01/2006	C26QT1		8,8	tám, tám	
17	2410100032	Lý Minh	Nguyên	04/06/2006	C26QT1		8,5	tám, năm	
18	2410100020	Phạm Thị Ái	Nhi	03/08/2006	C26QT1		9,8	chín, tám	
19	2410100024	Phạm Kiều	Nhung	06/09/2006	C26QT1		5,0	năm, không	
20	2410100030	Trần Việt	Phú	03/12/2004	C26QT1				✓
21	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc	Thi	23/06/2002	C26QT1		8,4	tám, bốn	
22	2410100016	Lê Thị Ngọc	Thu	23/03/2006	C26QT1		8,7	tám, bảy	
23	2410100002	Phạm Trung	Trúc	04/07/2004	C26QT1		8,5	tám, năm	
24	2410100010	Trần Thanh Trúc	Xuân	11/10/2002	C26QT1		8,5	tám, năm	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 2. Số bài thi: 22 / 22.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025

P TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 10 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung Sơn

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: 24311MH110403301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn	Anh	03/8/2003	C26QT1		10,0	miễn	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh	Anh	13/8/2006	C26QT1		9,2	chín, hai	
3	2410100018	Trần Ngọc	Ánh	16/07/2006	C26QT1		10,0	miễn	
4	2410100021	Nguyễn Thị Kim	Cương	09/04/2006	C26QT1		9,2	chín, hai	
5	2410100026	Lê Thanh	Dương	22/12/2006	C26QT1		10,0	miễn	
6	2410100004	Tạ Duy	Đăng	16/10/2006	C26QT1		9,6	chín, sáu	
7	2410100019	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	28/02/2006	C26QT1		8,0	tám, không	
8	2410100029	Lê Chí	Hậu	05/11/2006	C26QT1		9,2	chín, hai	
9	2410100017	Nguyễn Đức	Hậu	31/01/2006	C26QT1		10,0	miễn	
10	2410100025	Nguyễn Quốc	Huy	10/06/2006	C26QT1		10,0	miễn	
11	2410100031	Nguyễn Bùi Tiểu	Huyền	11/12/2006	C26QT1		7,0	bảy, không	
12	2410100012	Võ Thị Ngọc	Huyền	11/12/2006	C26QT1		8,8	tám, tám	
13	2410100027	Nguyễn Văn	Linh	28/07/2005	C26QT1				✓
14	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc	Linh	07/09/2005	C26QT1		8,8	tám, tám	
15	2410100022	Kim Thị Thúy	Ngân	18/05/2006	C26QT1		10,0	miễn	
16	2410100028	Nguyễn Thị Kim	Ngân	25/01/2006	C26QT1		9,2	chín, hai	
17	2410100032	Lý Minh	Nguyên	04/06/2006	C26QT1		9,6	chín, sáu	
18	2410100020	Phạm Thị Ái	Nhi	03/08/2006	C26QT1		8,4	tám, bốn	
19	2410100024	Phạm Kiều	Nhung	06/09/2006	C26QT1		10,0	miễn	
20	2410100030	Trần Việt	Phú	03/12/2004	C26QT1				✓
21	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc	Thi	23/06/2002	C26QT1		7,0	bảy, không	
22	2410100016	Lê Thị Ngọc	Thu	23/03/2006	C26QT1		9,2	chín, hai	
23	2410100002	Phạm Trung	Trúc	04/07/2004	C26QT1		8,0	tám, không	
24	2410100010	Trần Thanh Trúc	Xuân	11/10/2002	C26QT1		8,4	tám, bốn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 2. Số bài thi: 22 / 22.

Ngày. 11. tháng. 7. năm... 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Hoàn.

Ngày. 10. tháng. 7. năm... 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Trung Sơn

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: 24311MH110403301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	C26QT2	Bao	4,7	leo, leo	
2	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	C26QT2	Tu	9,8	chín, tám	
3	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	C26QT2	Thuy	4,2	leo, hai	
4	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006	C26QT2	De	6,9	sáu, chín	
5	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	C26QT2	G	9,8	chín, tám	
6	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	C26QT2	Hieu	9,5	chín, năm	
7	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	C26QT2	Huy	9,3	chín, ba	9,3
8	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	C26QT2	An	8,5	tám, năm	
9	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	C26QT2	Kim	8,8	tám, tám	
10	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	C26QT2	ny	9,3	chín, ba	
11	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	C26QT2	PHUC	8,9	tám, chín	
12	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	C26QT2				✓
13	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	C26QT2	Tho	9,8	chín, tám	
14	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	C26QT2				L2✓

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 2 Số bài thi: 12

Ngày 11 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 10 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: 24311MH110403301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006	C26QT2		10,0	mười	
2	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006	C26QT2		9,2	chín, hai	
3	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006	C26QT2		7,5	bảy, năm	
4	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006	C26QT2		9,6	chín, sáu	
5	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006	C26QT2		8,8	tám, tám	
6	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006	C26QT2		8,8	tám, tám	
7	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005	C26QT2		9,6	chín, sáu	
8	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006	C26QT2		8,8	tám, tám	
9	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006	C26QT2		8,8	tám, tám	
10	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006	C26QT2		9,6	chín, sáu	
11	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006	C26QT2		8,8	tám, tám	
12	2410100040	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/04/2006	C26QT2				✓
13	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006	C26QT2		8,8	tám, tám	
14	2410100049	Lê Phước Trung	17/10/2002	C26QT2				✓

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 12 vắng thi: 2. Số bài thi: 12 / 12.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 10 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ &
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG

PHÒNG THI VÀ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: 24311MH110403301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100220	Hồ Phát	Đạt	15/07/2004	C24QT7	<i>HT</i>	2,0	hai, không	
2	2210100225	Nguyễn Trọng	Phúc	20/08/2004	C24QT7	<i>Phúc</i>	2,5	hai, nam	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 2 vắng thi: 0 . Số bài thi: 02 / 02 ..

Ngày: 11 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Trần Thị Hoa

Ngày: 10 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

Lê Trung San

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ

PHÒNG
PHỔ THÔNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: 24311MH110403301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung Sơn - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100220	Hồ Phát	Đạt	15/07/2004	C24QT7		9,2	chín, hai	
2	2210100225	Nguyễn Trọng	Phúc	20/08/2004	C24QT7		8,8	tám, tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 02 vắng thi: 0 . Số bài thi: 2 / 2 .

Ngày 11 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 10 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung Sơn

PHÒNG BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN
Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: 24311MH110403301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100065	Bành Thị Thanh Thủy	28/01/2005	C25QT2	<i>Thủy</i>	7,4	ba, bốn	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 7 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 .

Ngày: 11 tháng 7 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hoa

Trần Phú Hoa

Ngày: 10 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

Lê Trung San

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: 24311MH110403301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung Sơn - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100065	Bành Thị Thanh Thủy	28/01/2005	C25QT2		6,8	6,8 / 10	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 .

Ngày 11 tháng 7 năm 2025 .

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 10 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung Sơn

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: 24311MH110403301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100077	Nguyễn Thị Thanh Vy	15/05/2005	C25QT3		8,2	Hai, hai	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 / 1 .

Ngày. 11 tháng 7 năm... 2025

8 TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 11 tháng 7 năm... 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: 24311MH110403301 Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San - (06004)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100077	Nguyễn Thị Thanh Vy	15/05/2005	C25QT3		8,8	tám, tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 0. Số bài thi: 01 / 01.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Ngày 10 tháng 7 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung San

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2024-2025

Môn học : Toán kinh tế - MH1104033

Mã lớp học phần: 24311MH110403301

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Lê Trung San

Ngày thi: 25/07/2025

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên: 

Giám thị 2: Lê Trung San

Ký tên: 

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410100001	Nguyễn Đỗ Tuấn Anh	03/8/2003		1	3,0	ba, không	C26QT1	
2	2410100015	Triệu Thị Huỳnh Anh	13/8/2006		1	3,0	ba, không	C26QT1	
3	2410100018	Trần Ngọc Ánh	16/07/2006		1	4,5	bốn, năm	C26QT1	
4	2410100046	Võ Hoàng Bảo	29/11/2006		1	4,0	bốn, không	C26QT2	
5	2410100021	Nguyễn Thị Kim Cương	09/04/2006		1	5,5	năm, năm	C26QT1	
6	2410100042	Trần Thị Mỹ Diệu	07/01/2006		1	3,0	ba, không	C26QT2	
7	2410100026	Lê Thanh Dương	22/12/2006		1	2,0	Hai, không	C26QT1	
8	2410100035	Nguyễn Thị Thùy Dương	16/02/2006		1	1,0	một, không	C26QT2	
9	2210100220	Hồ Phát Đạt	15/07/2004		1	6,0	Khối, không	C24QT7	
10	2410100004	Tạ Duy Đăng	16/10/2006		1	4,5	bốn, năm	C26QT1	
11	2410150052	Lê Minh Đức	21/11/2006		1	4,0	bốn, không	C26QT2	
12	2410100045	Trần Thị Hồng Gấm	01/01/2006		1	2,0	Hai, không	C26QT2	
13	2410100019	Nguyễn Thị Thúy Hằng	28/02/2006		1	5,5	năm, năm	C26QT1	
14	2410100029	Lê Chí Hậu	05/11/2006		1	0,5	không, năm	C26QT1	
15	2410100017	Nguyễn Đức Hậu	31/01/2006		1	6,0	sáu, không	C26QT1	
16	2410100036	Đặng Trung Hiếu	22/12/2006		1	3,0	ba, không	C26QT2	
17	2410100025	Nguyễn Quốc Huy	10/06/2006		1	0,5	không, năm	C26QT1	
18	2410100041	Tạ Nhật Huy	11/12/2005		1	4,5	bốn, năm	C26QT2	
19	2410100031	Nguyễn Bùi Tiều Huyền	11/12/2006		1	2,5	hai, năm	C26QT1	
20	2410100012	Võ Thị Ngọc Huyền	11/12/2006		1	4,0	bốn, không	C26QT1	
21	2410100038	Chung Lê Quốc Hy	24/01/2006		1	2,0	hai, không	C26QT2	
22	2410100039	Nguyễn Hoàng Kim	29/05/2006		1	1,5	một, năm	C26QT2	
23	2410100003	Võ Nguyễn Ngọc Linh	07/09/2005		1	2,0	Hai, không	C26QT1	
24	2410100022	Kim Thị Thúy Ngân	18/05/2006		1	1,0	Một, không	C26QT1	
25	2410100028	Nguyễn Thị Kim Ngân	25/01/2006		1	9,0	chín, không	C26QT1	
26	2410100032	Lý Minh Nguyên	04/06/2006		1	1,0	Một, không	C26QT1	
27	2410100020	Phạm Thị Ái Nhi	03/08/2006		1	5,0	năm, không	C26QT1	
28	2410100024	Phạm Kiều Nhung	06/09/2006		1	1,5	Một, năm	C26QT1	
29	2410100048	Trần Thị Hà Ny	13/12/2006		1	4,5	bốn, năm	C26QT2	
30	2410100033	Nguyễn Thị Hồng Phúc	21/03/2006		1	2,5	Hai, năm	C26QT2	
31	2210100225	Nguyễn Trọng Phúc	20/08/2004		1	5,0	năm, không	C24QT7	
32	2410100008	Nguyễn Trần Ngọc Thi	23/06/2002		1	1,0	Một, không	C26QT1	
33	2410100044	Nguyễn Thị Minh Thơ	18/05/2006		1	3,0	ba, không	C26QT2	

	Mã SV	Họ và tên	Thu	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
	2410100016	Lê Thị Ngọc	Thu	23/03/2006		1	2,0	Hai, không	C26QT1	
35	2310100065	Bành Thị Thanh	Thủy	28/01/2005		1	2,0	Hai, không	C25QT2	
36	2410100002	Phạm Trung	Trúc	04/07/2004		1	3,0	Ba, không	C26QT1	
37	2310100077	Nguyễn Thị Thanh	Vy	15/05/2005		1	3,0	Ba, không	C25QT3	
38	2410100010	Trần Thanh Trúc	Xuân	11/10/2002		1	2,0	Hai, không	C26QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 38 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 38 / 68.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày: 28 tháng 7 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG CĐBC CÔ: Đỗ Thị Sơn

**PHÒNG KHA
BẢO ĐẢM CH**

Ngày: 28 tháng 7 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Trung Sơn